

Bản án số: 88/2025/HS-PT
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Ông Nguyễn Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20/01/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 1080/2024/TLPT-HS ngày 01/11/2024 đối với bị cáo Quách Thanh T và đồng phạm do các bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

I. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười - Ông Nguyễn Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

II. Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Quách Thanh T (tên gọi khác: T1), sinh ngày 02/7/1984 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm E, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển (Chủ tàu cá); trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Quách Văn H1 (đã chết) và bà Trần Thị T2; vợ: Hồ Thị Anh Đ1 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2024 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 22/8/1975 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Mã Thị S; vợ: Huỳnh Thị H2 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2024 cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1978 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số E, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Môi giới ngư phủ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị S1; vợ: Cao Thu T3 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/8/2024 cho đến nay; có mặt.

4. Dương Hoàng G (tên gọi khác: B), sinh ngày 01/01/1969 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển (Thuyền trưởng); trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C1 và bà Châu Thị C2; vợ: Nguyễn Diệu H3 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2024 cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Ngân hàng TMCP C5.

Người đại diện theo ủy quyền có: Ông Huỳnh Tấn T4 - Nhân viên thu nợ Ngân hàng TMCP C5 chi nhánh C6; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P:* Luật sư Lê Huỳnh N – Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 40 phút ngày 08/7/2024, Tổ tuần tra, kiểm soát trên tàu KN 206/Biên đội tàu CSB 4039/Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 phát hiện tàu đánh bắt hải sản có biển số CM – 91148 – TS (Viết tắt: tàu CM – 91148 – TS) do Nguyễn Văn C làm thuyền trưởng đang ở tại tọa độ 07029'00"N - 103032'00"E (Bảy độ hai mươi chín phút vĩ Bắc – một trăm lẻ ba độ ba mươi hai phút kinh Đông) thuộc vùng Đặc quyền kinh tế của Việt Nam, có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và bắt giữ. Trên tàu có 13 ngư phủ gồm: Nguyễn Văn C là thuyền trưởng, còn lại 12 thuyền viên: Bùi Văn A, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn C3, Huỳnh Văn U, Nguyễn Văn X, Danh Đ2, Phan Chí H4, Mật Văn H5, Trương Thanh M1, Mai Thân E, Nguyễn Văn Q, Huỳnh Văn L. Tàu không có thiết bị giám sát hành trình (VMS), có 01 (một) bộ giấy tờ bằng

tiếng nước ngoài, có hành trình đi từ vùng biển Malaysia về vùng biển Việt Nam. Kết quả điều tra xác định:

Đầu năm 2023, Quách Thanh T móc nối với đối tượng tên S2 (hiện đang ở Malaysia) để hợp thức hóa hồ sơ tàu CM – 92365 – TS (do T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký tàu cá) thành tàu cá nước Malaysia để đưa tàu CM – 92365 – TS trốn sang Malaysia đánh bắt hải sản. Tháng 6/2023, S2 thông báo cho T biết đã có giấy tờ đăng ký tàu Malaysia (biển số KNF 6649) phù hợp với tàu CM – 92365 – TS. T liền cho sửa chữa lại tàu CM – 92365 – TS và mua sắm ngư lưới cụ phù hợp với giấy tờ tàu nước Malaysia. Đồng thời, tìm người điều khiển tàu CM – 92365 – TS đến vùng biển giáp ranh giữa Việt Nam - Malaysia thì sơn lại cabin tàu từ màu xám thành màu đỏ sọc trắng, đổi biển số tàu CM – 92365 – TS thành biển số tàu KNF 6649 để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng của Malaysia.

T bàn bạc với Nguyễn Văn C là giao cho C làm thuyền trưởng đánh bắt hải sản ở vùng biển Malaysia. C tìm 03 ngư dân đi bằng đường biển (không làm thủ tục xuất cảnh) và 04 ngư dân có hộ chiếu xuất cảnh bằng đường hàng không. Gồm Bùi Văn A, Danh V, Nguyễn Hoàng N1 đi đường biển và 04 ngư phủ đi bằng đường hàng không là Bùi Văn N2, Lâm Văn T5, Nguyễn Thanh Tú Q1, Trần Văn D1. Những người này đã đồng ý đi đánh bắt hải sản ở vùng biển Malaysia và thống nhất chia lợi nhuận: Sau khi trừ các chi phí (như nhiên liệu, nước đá, ăn uống, ngư lưới cụ, lương thực, thực phẩm...), còn lại chia theo tỷ lệ: Chủ tàu hưởng 60%; còn lại 40%, trong đó tài công nhiều hơn, đến máy trưởng (tài cải), kỹ thuật, các ngư phủ còn lại theo chấm công; thời gian 06 tháng được về một lần. Chủ tàu cho ứng trước 30.000.000đ – 40.000.000đ/ngư dân.

Sau đó T thuê Dương Hoàng G điều khiển tàu CM – 92365 – TS trốn lực lượng Biên phòng đi từ Sông Đ qua Malaysia giao cho C được T trả tiền công 10.000.000đ. Ngày 09/8/2023, A, N1, V nhận được điện thoại của C nên cả 03 người xuống Sông Đ để đi Malaysia. Đến khoảng 21 giờ ngày 10/8/2023, G xuống tàu CM – 92365 – TS thì trên tàu đã có A, N1, V. G điều khiển tàu đi ra cửa biển Sông Đ, không trình báo Đồn Biên phòng. G chỉ đạo A, N1, V tháo thiết bị giám sát hành trình (VMS) trên tàu, sau đó G điều khiển tàu đi khoảng 01 ngày 01 đêm, đến vùng biển giáp ranh giữa Việt Nam - Malaysia (vùng 070) thì chỉ đạo A, N1, V tiến hành sơn lại cabin và sửa biển số tàu từ CM – 92365 – TS thành biển số KNF 6649. G tiếp tục điều khiển tàu đi khoảng 02 ngày 01 đêm thì đến Cảng Đỏ của M2 và neo đậu tại đây chờ hoàn thành thủ tục. Trong thời gian chờ hoàn thành thủ tục thì cơ quan chức năng ở Malaysia phát hiện G không đủ giấy tờ nhập cảnh nên đã xử phạt hành chính và trao trả G về Việt Nam bằng đường hàng không. G đã bị Phòng Q3 Công an tỉnh C xử phạt hành chính 4.000.000đ về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”. Riêng C, N2, T5, Q1, D1 ra sân bay T và làm thủ tục xuất cảnh đi qua Malaysia và đã được Salam làm thủ tục hợp đồng đăng ký C, N2, T5, Q1, D1 là thuyền viên tàu KNF 6649 để đi đánh bắt hải sản trên vùng biển Malaysia; còn tên chủ tàu là người ở Malaysia có họ tên: MOHD YUNUS B. ABDULLAH.

Khi hồ sơ tàu KNF 6649 hoàn thành thì C điều khiển tàu đi đánh bắt. Đến khoảng giữa tháng 12/2023, N2, T5, D1, N1, V nghỉ làm và quá giang tàu tải về Việt Nam. Công báo cho T biết là thiếu người để đánh bắt hải sản nên T đã nhờ Nguyễn Văn P tìm 05 ngư dân đi bằng đường biển, qua Malaysia đánh bắt hải sản. Phụ môi giới Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn C3, Huỳnh Văn Ú, Nguyễn Văn X, Danh Đ2 cho T. Đến ngày 03/02/2024, T chuyển khoản cho P 5.000.000đ trả tiền công tìm ngư phủ.

Ngày 04/02/2024 và ngày 06/02/2024 T chuyển cho P 02 lần, tổng số tiền là 200.000.000đ để đưa cho D, C3, Ú, X, Đ2 tạm ứng mỗi người 40.000.000đ. Ngoài ra, P còn nhận của D, C3, Ú, X, Đ2 mỗi người 1.000.000đ trả tiền công cho việc P giới thiệu họ đi đánh bắt hải sản ở Malaysia. Sau đó P đưa D, C3, Ú, X, Đ2 đến Cổng Kinh C4 (cửa biển Kiên Giang). Tại đây X, Đ2, C3, D, Ú được T hỏi nhờ ghe cào (không rõ chủ ghe) đi quá giang ra địa điểm đã hẹn với C (toạ độ 70) được C điều khiển tàu KNF 6649 đến rước X, Đ2, C3, D, Ú qua Malaysia đánh bắt hải sản.

Quá trình đánh bắt hải sản thì Nguyễn Thanh Tú Q1 bị cá đâm, nhiễm trùng nên Q1 qua tàu tải vào đất liền điều trị, trên đường vào đất liền Q1 đã chết (ngày 07/3/2024). Do thiếu người làm nên C tìm thêm được Phan Chí H4. H4 tự mình quá giang tàu tải ra tại toạ độ 7⁰ và C đưa tàu KNF 6649 đến rước đi đánh bắt với C.

Đến ngày 10/3/2024, T tìm thêm Mật Văn H5, Trương Thanh M1 xuất cảnh bằng đường hàng không qua Malaysia cùng lên tàu đánh bắt hải sản với C. Ngày 07/7/2024, Mai Thân E, Nguyễn Văn Q, Huỳnh Văn L cũng quá giang tàu tải ra để đi đánh bắt trên tàu của Bến Tre nhưng do tàu tải không đợi được nên Em, Q, Linh quá giang qua tàu CM – 92365 – TS để chờ tàu Bến Tre đến rước.

Đến ngày 08/7/2024, C điều khiển tàu biển số KNF 6649 tức là tàu CM – 92365 – TS (nhưng gắn biển số tàu CM – 91148 – TS) chạy vào thuộc vùng Đặc quyền kinh tế của Việt Nam để bán hải sản cho tàu tải Việt Nam thì bị lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam kiểm tra, phát hiện vi phạm và tạm giữ tàu.

Trước khi bị phát hiện và bắt giữ, tàu CM – 92365 – TS (KNF 6649) đã vào Cảng Đ, Malaysia bán hải sản 21 lần và về vùng biển Việt Nam bán hải sản cho tàu tải 04 lần. Mỗi lần tàu chạy từ vùng biển Malaysia đến khu vực chồng lấn biển với Việt Nam thì C chỉ đạo cho ngư phủ sơn lại cabin tàu và thay đổi biển số KNF 6649 thành biển số CM – 91148 – TS để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng Việt Nam.

Tại Bản Cáo trạng số: 82/CT-VKS-P1 ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương Hoàng G về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn P, Dương Hoàng G phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 349; điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Quách Thanh T 07 (bảy) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 15/8/2024. Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Quách Thanh T 20.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 15/8/2024. Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn C 20.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn P 05 (năm) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 16/8/2024. Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn P 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Dương Hoàng G 03 (ba) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 15/8/2024. Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Dương Hoàng G 10.000.000 đồng.

- Xử lý vật chứng:

- Bị cáo Nguyễn Văn P có nghĩa vụ nộp lại 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp xong tại Biên lai số 0000165 ngày 27/8/2024.

- Bị cáo Dương Hoàng G có nghĩa vụ nộp lại 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp xong tại Biên lai số 0000166 ngày 09/9/2024.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước, gồm:

+ 01 (một) tàu cá gần biển số CM – 91148 – TS vỏ gỗ, có mạng tàu màu xanh, cabin sơn màu đỏ; kích thước 21,5m x 5,1m; chiều cao mạn 2,4m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) máy chính nhãn hiệu Cummins, số máy 30349820; công suất máy 373KW; vòng quay 1.800 v/p được lắp đặt trong hầm máy của tàu, trong khoang máy của tàu cá gần số đăng ký CM – 91148 – TS, đã qua sử dụng.

+ 02 (hai) máy phát điện (máy đèn): 01 (một) máy được đặt dưới hầm máy, 01 (một) máy được đặt trên nóc cabin tàu cá CM – 91148 – TS, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thiết bị nhận dạng AIS nhãn hiệu HUAHANG, Model: HGP-1235A, số serial No: 1235-17091809, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại vệ tinh màu đen nhãn hiệu THURAYA, model: MNB-01BDU; IMEI: 35887610-102641-8, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) máy thiết bị giám sát hành trình (VMS) hiệu Zunibal số seri là BTK003151, của tàu cá CM – 92365 – TS (đã niêm phong).

+ 01 (một) hộp thiết bị có ký hiệu AT – 209, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy, gồm: + 01 (một) hộp sơn hiệu Expo; nước sơn màu đen đã được sử dụng và 02 (hai) cây cọ sơn;

+ 02 (hai) tấm nhựa Composite, viết số đăng ký tàu CM – 91148 – TS có kích thước (dài x rộng): 2,60m x 0,64m;

+ 01 (một) lon nước sơn xịt màu đỏ (trên lon có chữ Win 211).

- Giao 01 (một) máy thiết bị giám sát hành trình (VMS) hiệu Zunibal số seri là BTK006203, của tàu cá CM – 91148 – TS (đã niêm phong) cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh C xử lý theo thẩm quyền.

(Tất cả số vật chứng trên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/9/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh C với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/10/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C5 (V1) chi nhánh C6 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, yêu cầu sửa án sơ thẩm giải tỏa kê biên tạm giữ và giao tài sản là tàu cá CM- 91148-TS thực chất là tàu cá CM-92365-TS cho V1 Chi nhánh C6 để xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay khách hàng Quách Thanh T.

- Ngày 07/10/2024 bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo với lý do là lao động nghèo, gia đình kinh tế khó khăn, do không hiểu biết pháp luật nên mới đi tìm người đi đánh bắt hải sản theo yêu cầu của T, nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 10/10/2024 bị cáo Dương Hoàng G kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo do bản thân có bệnh thần kinh lẫn tai và bệnh tiểu đường, huyết áp cao.

- Ngày 11/10/2024 bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo với lý do bản thân trình độ học vấn thấp không am hiểu pháp luật nên không biết việc giới thiệu bạn cho đi ghe đánh bắt hải sản là phạm tội. Nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về nuôi mẹ già, con nhỏ và có cơ hội cống hiến cho địa phương.

- Ngày 14/10/2024 bị cáo Quách Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, do tàu cá thất thu nên còn mắc nợ Ngân hàng chưa có khả năng thanh toán nợ. Nên xin giảm hình phạt để bị cáo được sớm trở về lo cho gia đình và trả khoản nợ vay tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Quách Thanh T6 khai nhận bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt

đối với bị cáo là quá nặng. Nên bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ để có cơ hội trở về lo cho gia đình và trả khoản nợ vay tại Ngân hàng.

- Bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo với lý do là lao động nghèo, gia đình kinh tế khó khăn, do không hiểu biết pháp luật nên mới đi tìm người đi đánh bắt hải sản theo yêu cầu của T, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ.

- Bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo với lý do bản thân trình độ học vấn thấp không am hiểu pháp luật nên không biết việc giới thiệu bạn cho đi ghe đánh bắt hải sản là phạm tội. Nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về nuôi mẹ già, con nhỏ và có cơ hội cống hiến cho địa phương, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ.

- Bị cáo Dương Hoàng G kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo do bản thân có bệnh thần kinh lẫn tai và bệnh tiểu đường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C5 chi nhánh C6 giữ nguyên kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, yêu cầu sửa án sơ thẩm giải tỏa kê biên tạm giữ và giao tài sản là tàu cá CM- 91148-TS thực chất là tàu cá CM-92365-TS cho V1 Chi nhánh C6 để xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay khách hàng Quách Thanh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần C5 chi nhánh C6 hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt thấy rằng: Bản án sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Đối với bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T; đối với bị cáo C có vai trò tương đương như bị cáo T, được hưởng lợi theo tỷ lệ 4/6. Chính bị cáo C là người sử dụng phương tiện tàu cá để chở các ngư dân đưa sang nước ngoài để đánh bắt hải sản. Bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo P phạm tội môi giới cho 05 người khác trốn đi nước ngoài trái phép để hưởng lợi, xét mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo P có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là giúp cơ quan Công an bắt được đối tượng truy nã được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý và xem xét cho bị cáo. Đối với bị cáo G phạm tội với vai trò giúp sức, chính bị cáo là người điều khiển tàu cá sang Malaysia và chở người khác trốn đi nước ngoài trái phép, bản án sơ thẩm tuyên phạt đối bị cáo là tương xứng nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với vật chứng của vụ án là tàu cá biển số CM-91148-TS thực chất là tàu cá CM-92365-TS do Quách Thanh T đã sử dụng vào việc phạm tội nên bản án sơ thẩm tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định. Ngân hàng TMCP C5 chi nhánh C6 kháng cáo yêu cầu giao tàu cá biển số CM-91148-TS thực chất là tàu cá CM-

92365-TS để xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay khách hàng Quách Thanh T là không có căn cứ. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP C5 chi nhánh C6.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P có ý kiến:* Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử về tội danh đối với bị cáo P là có căn cứ. Còn về hình phạt đối với bị cáo P là quá nặng. Bị cáo có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật kém, bản thân bị cáo là lao động chính phải chăm sóc mẹ già. Bị cáo là đồng phạm giúp sức giản đơn. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là giúp cho công an bắt đối tượng truy nã. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 5 năm tù là quá nghiêm khắc. Từ những căn cứ trên, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của của các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn P, Dương Hoàng G và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C5 chi nhánh C6 đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản; Biên bản thu giữ vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Đầu năm 2023, Quách Thanh T móc nối với đối tượng tên S2 (hiện đang ở Malaysia) để hợp thức hóa hồ sơ tàu CM – 92365 – TS (do T làm chủ) thành tàu nước Malaysia để đưa tàu CM – 92365 – TS trốn sang Malaysia đánh bắt hải sản. Tháng 6/2023, S2 thông báo với T đã có giấy tờ đăng ký tàu Malaysia (biển số KNF 6649) phù hợp với tàu CM – 92365 – TS. T bàn bạc với Nguyễn Văn C là giao cho C làm thuyền trưởng đánh bắt hải sản ở vùng biển Malaysia. Từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024, Quách Thanh T và Nguyễn Văn C đã thống nhất với nhau tổ chức nhiều lần cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép cụ thể:

Lần thứ nhất, T và C tổ chức cho Dương Hoàng G điều khiển tàu cá CM-92365-TS chở Bùi Văn A, D, Nguyễn Hoàng N1 đi từ cửa biển Sông Đốc trốn qua Đồn biên phòng vượt biên qua Malaysia để giao tàu cá và 03 ngư dân cho C để đi đánh bắt hải sản.

Lần thứ hai, C, T nhờ Nguyễn Văn P môi giới để tìm người đưa sang Malaysia đánh bắt hải sản gồm Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn C3, Huỳnh Văn Ú, Nguyễn Văn X, Danh Đ2. T hỏi ghe cào cho Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn C3, Huỳnh Văn Ú, Nguyễn Văn X, Danh Đ2 đi ra vùng biển Việt Nam tọa độ 7⁰; sau đó C điều khiển tàu cá CM – 92365 – TS (KNF 6649) đến vùng biển Việt Nam rước Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn C3, Huỳnh Văn Ú, Nguyễn Văn X, Danh Đ2 đi sang Malaysia đánh bắt hải sản. Ngoài ra, C còn điều khiển tàu cá CM – 92365 – TS (KNF 6649) đến vùng biển Việt Nam tọa độ 7⁰ rước Phan Chí H4 sang Malaysia đánh bắt hải sản.

Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương Hoàng G phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước về xuất nhập cảnh, làm ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Nên cần thiết phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3.1] Trong vụ án có đồng phạm, đối với bị cáo T với vai trò chính, trực tiếp tổ chức, câu kết với bị cáo C để đưa người và phương tiện qua Malaysia trái phép để khai thác hải sản. Tuy nhiên xét nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, bản thân bị cáo là ngư dân làm nghề đánh bắt hải sản; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc điều tra giải quyết vụ án. Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi dưỡng mẹ già. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Xét mức án đã tuyên phạt đối với bị cáo là rất nghiêm khắc. Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ thời gian cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và có đảm bảo tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[3.2] Đối với bị cáo C với vai trò giúp sức tích cực cùng với T trong việc tổ chức đưa người đi khác trốn đi nước ngoài trái phép để đánh bắt hải sản. Xét nhân thân bị cáo C không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bản thân bị cáo làm nghề đánh bắt hải sản, do trình độ học vấn thấp không am hiểu pháp luật, gia đình bị cáo có cha ruột ông Nguyễn Văn B là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo C là có căn cứ. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét mức hình phạt mà Bản án tuyên phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội môi giới cho 05 ngư dân trốn đi nước ngoài trái phép để hưởng lợi. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo ăn

năn hồi cải, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Bản thân bị cáo có nhiều đóng góp từ thiện cho địa phương được địa phương xác nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo đã cung cấp thông tin để cơ quan có trách nhiệm bắt tội phạm bị truy nã được Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang xác nhận. Do bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[3.4] Đối với bị cáo G phạm tội với vai trò giúp sức trong việc điều khiển tàu đưa 03 ngư dân trốn đi nước ngoài trái phép. Tuy nhiên xét nhân thân bị cáo không có tiền án tiền sự, bản thân làm nghề ngư phủ đánh bắt hải sản, do trình độ học vấn thấp không am hiểu pháp luật, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Bị cáo G có cha ruột là Dương Văn C1 là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng N3 và bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo G không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét mức hình phạt mà Bản án tuyên phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bản thân bị cáo bị bệnh thần kinh lẫn tai, huyết áp cao. Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ, đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi quyết định hình phạt tù trong trường hợp có đồng phạm, Bản án sơ thẩm không áp dụng các Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt tù đối với các đồng phạm trong vụ án là thiếu sót nên cần bổ sung cho đúng quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc tàu vỏ gỗ, khi bị bắt gần biển số CM – 91148 – TS nhưng thực chất là tàu CM – 92365 – TS, số đăng kiểm 0259/2021/ĐKTC-TT ĐKTC ngày 21/6/2021; Trên tàu có các thiết bị kèm theo cho tàu hoạt động gồm: 01 máy chính nhãn hiệu Cummins, số máy 30349820; 02 máy phát điện (máy đèn); 01 thiết bị nhận dạng AIS nhãn hiệu HUAHANG; 01 điện thoại vệ tinh màu đen nhãn hiệu THURAYA; 02 máy thiết bị giám sát hành trình (VMS) hiệu Zunibal; 01 hộp thiết bị có ký hiệu AT – 209. Tàu này được bị cáo T mua lại của ông Nguyễn Xuân Q2 vào năm 2021. Trong hợp đồng mua bán chỉ có Quách Thanh T là người mua. Ngoài ra trong giấy đăng kiểm, Giấy phép khai thác thủy sản cũng chỉ có Quách Thanh T là người chủ tàu. Do bị cáo T đã sử dụng tài sản tàu vỏ gỗ, khi bị bắt gần biển số CM – 91148 – TS nhưng thực chất là tàu CM – 92365 – TS, số đăng kiểm 0259/2021/ĐKTC-TT ĐKTC ngày 21/6/2021 vào việc phạm tội, nên Bản án sơ thẩm tuyên xử tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP C5 – Chi nhánh C6 yêu cầu giải tỏa kê biên tạm giữ và giao tài sản là tàu cá CM- 91148-TS (thực chất

là tàu cá CM-92365-TS) cho Ngân hàng TMCP C5 - Chi nhánh C6 để xử lý tài sản thế chấp bảo đảm thu hồi nợ đối với khoản vay khách hàng Quách Thanh T.

Đối với việc bị cáo T vay tiền tại Hợp đồng vay hạn mức số 23.055.115/2023-HĐCVHM/NHCT860 ngày 21/11/2023 thì quyền lợi của Ngân hàng được khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn P và không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP C5 - Chi nhánh C6 là phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn P, Dương Hoàng G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ngân hàng TMCP C5 - Chi nhánh C6 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Đối với số tiền nộp phạt bổ sung để nộp ngân sách Nhà nước do bị cáo Quách Thanh T đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000188 ngày 15/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau và bị cáo Nguyễn Văn P đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000193 ngày 30/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được khấu trừ khi thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn P, Dương Hoàng G xin giảm nhẹ hình phạt.

- Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP C5 – Chi nhánh C6.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về hình phạt đối với các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn P, Dương Hoàng G.

2.1. Tuyên bố: Các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn P, Dương Hoàng G phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

2.2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 349; điểm s, t khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Quách Thanh T 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/8/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Quách Thanh T 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2.3. Áp dụng điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn C 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/8/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn C 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn P 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/8/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2.5. Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Dương Hoàng G 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/8/2024.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Dương Hoàng G 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2.6. Xử lý vật chứng:

- Bị cáo Nguyễn Văn P có nghĩa vụ nộp lại 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp xong theo Biên lai số 0000165 ngày 27/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo Dương Hoàng G có nghĩa vụ nộp lại 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp xong theo Biên lai số 0000166 ngày 09/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước, gồm:

+ 01 (một) tàu cá gắn biển số CM – 91148 – TS vỏ gỗ, có mạng tàu màu xanh, cabin sơn màu đỏ; kích thước 21,5m x 5,1m; chiều cao mạn 2,4m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) máy chính nhãn hiệu Cummins, số máy 30349820; công suất máy 373KW; vòng quay 1.800 v/p được lắp đặt trong hầm máy của tàu, trong khoang máy của tàu cá gắn số đăng ký CM – 91148 – TS, đã qua sử dụng.

+ 02 (hai) máy phát điện (máy đèn): 01 (một) máy được đặt dưới hầm máy, 01 (một) máy được đặt trên nóc cabin tàu cá CM – 91148 – TS, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thiết bị nhận dạng AIS nhãn hiệu HUAHANG, Model: HGP-1235A, số serial No: 1235-17091809, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại vệ tinh màu đen nhãn hiệu THURAYA, model: MNB-01BDU; IMEI: 35887610-102641-8, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) máy thiết bị giám sát hành trình (VMS) hiệu Zunibal số seri là BTK003151, của tàu cá CM – 92365 – TS (đã niêm phong).

+ 01 (một) hộp thiết bị có ký hiệu AT – 209, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy, gồm:

+ 01 (một) hộp sơn hiệu Expo; nước sơn màu đen đã được sử dụng và 02 (hai) cây cọ sơn;

+ 02 (hai) tấm nhựa Composite, viết số đăng ký tàu CM – 91148 – TS có kích thước (dài x rộng): 2,60m x 0,64m;

+ 01 (một) lon nước sơn xịt màu đỏ (trên lon có chữ Win 211).

- Giao 01 (một) máy thiết bị giám sát hành trình (VMS) hiệu Zunibal số seri là BTK006203, của tàu cá CM – 91148 – TS (đã niêm phong) cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh C xử lý theo thẩm quyền.

(Tất cả số vật chứng nêu trên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/9/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh C với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau).

3. Án phí phúc thẩm:

- Các bị cáo Quách Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn P, Dương Hoàng G không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Ngân hàng TMCP C5 - Chi nhánh C6 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000003 ngày 10/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Đối với số tiền nộp phạt bổ sung để nộp ngân sách Nhà nước do bị cáo Quách Thanh T đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000188 ngày 15/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau và bị cáo Nguyễn Văn P đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000193 ngày 30/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được khấu trừ khi thi hành án.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**